UBND XÃ MƯỜNG NHÉ
TRƯỜNG PTDTBT TH CHUNG CHẢI SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THỰC ĐƠN HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 05 NĂM 2026

Từ ngày 03/05/2026 đến ngày 29/05/2026

(Thực hiện theo QĐ số: 20/QĐ-THCC2, ngày 29/04/2026 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định điều chỉnh danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú, tháng 5, học kỳ II năm học 2025-2026)

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Chủ Nhật (Ngày 03; 10; 17; 24 Tháng 05/2026)	1	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	14,00	155.000	2.170.000	**Bữa Tối**
	2	Trứng vịt	Kg	294,00	4.700	1.381.800	Thịt lợn rang mặn
	3	Rau bắp cải trắng	Kg	21,21	20.000	424.200	Trứng luộc
	4	Hành lá	Kg	0,50	70.000	35.000	Canh rau bắp cải
	5	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	
	6	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	2,00	20.000	40.000	
	7	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	0,50	66.000	33.000	
	8	Bột ngọt meizan 400g	Gói	0,50	40.000	20.000	
	9	Sữa izzi 110ml	Hộp	294,00	6.000	1.764.000	**Phát sau bữa cơm tối**
	Tổng					**5.880.000**	
Thứ	**Stt**	**Thực phẩm**	**ĐVT**	**Số lượng**	**Đơn giá**	**Thành tiền**	**Món ăn**
Thứ 2 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 05/2026)	1	Mỳ tôm Kokomi 65gr	Gói	294	4.200	1.234.800	**Bữa Sáng**
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	26,00	155.000	4.030.000	Mỳ tôm pha nước sôi
	3	Đậu phụ	Kg	20,00	30.000	600.000	**Bữa Trưa**
	4	Quả su su	Kg	22,00	22.000	484.000	Thịt lợn + đậu phụ
	5	Trứng vịt	Kg	294,00	4.700	1.381.800	rán sốt mặn
	6	Thịt lợn nguyên mông vai	Kg	18,00	166.000	2.988.000	Canh su su
	7	Quả su su	Kg	10,00	22.000	220.000	
	8	Rau bắp cải trắng	Kg	21,50	20.000	430.000	**Bữa Tối**
	9	Hành lá	Kg	0,50	70.000	35.000	Trứng luộc
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Thịt lợn xào su su
	11	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	4,00	20.000	80.000	Canh rau bắp cải
	12	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	5,00	66.000	330.000	
	13	Bột ngọt meizan 400g	Gói	1,00	40.000	40.000	
	14	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	294,00	6.600	1.940.400	**Phát sau giờ ngủ trưa**
	Tổng					**13.818.000**	
Thứ	**Stt**	**Thực phẩm**	**ĐVT**	**Số lượng**	**Đơn giá**	**Thành tiền**	**Món ăn**
Thứ 3 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 05/2026)	1	Xôi nếp đỗ (200gam)	Gói	294	7.000	2.058.000	**Bữa Sáng**
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	22,00	155.000	3.410.000	Xôi nếp đỗ
	3	Đậu phụ	Kg	15,00	30.000	450.000	**Bữa Trưa**
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	22,00	20.000	440.000	Thịt lợn + đậu phụ
	5	Gà công nghiệp còn sống	Kg	40,00	112.000	4.480.000	rán sốt mặn
	6	Gừng củ	Kg	0,50	50.000	25.000	Canh rau bắp cải
	7	Quả su su	Kg	8,00	22.000	176.000	
	8	Quả bí đỏ	Kg	23,00	22.000	506.000	**Bữa Tối**
	9	Hành lá	Kg	0,50	70.000	35.000	Gà rang gừng
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Su su sào lòng gà
	11	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	4,00	20.000	80.000	Canh bí đỏ
	12	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	5,00	66.000	330.000	
	13	Bột ngọt meizan 400g	Gói	1,00	40.000	40.000	
	14	Sữa izzi 110ml	Hộp	294,00	6.000	1.764.000	**Phát sau giờ ngủ trưa**
	Tổng					**13.818.000**	

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 4 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 05/2026)	1	Mỳ tôm Kokomi 65gr	Gói	294	4.200	1.234.800	**Bữa Sáng**
	2	Trứng vịt	Kg	294,00	4.700	1.381.800	Mỳ tôm pha nước sôi
	3	Giò nạc	Kg	18,00	172.000	3.096.000	**Bữa Trưa**
	4	Đỗ quả	Kg	4,00	35.000	140.000	Xào thập cẩm Giò
	5	Cà rốt	Kg	3,00	27.000	81.000	nạc + Đỗ quả + Cà
	6	Rau bắp cải trắng	Kg	22,45	20.000	449.000	rốt
	7	Thịt lợn nguyên mông vai	Kg	22,00	166.000	3.652.000	Trứng luộc
	8	Quả su su	Kg	8,00	22.000	176.000	Canh rau bắp cải
	9	Trứng vịt	Kg	150,00	4.700	705.000	
	10	Quả su su	Kg	22,00	22.000	484.000	**Bữa Tối**
	11	Hành lá	Kg	1,00	70.000	70.000	Thịt lợn xào su su
	12	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Thịt băm xào trứng
	13	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	4,00	20.000	80.000	Canh su su
	14	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	4,00	66.000	264.000	
	15	Bột ngọt meizan 400g	Gói	1,00	40.000	40.000	
	16	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	294,00	6.600	1.940.400	**Phát sau giờ ngủ trưa**
	Tổng					**13.818.000**	

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 5 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 05/2026)	1	Xôi nếp đỗ (200gam)	Gói	294	7.000	2.058.000	**Bữa Sáng**
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	22,00	155.000	3.410.000	Xôi nếp đỗ
	3	Đậu phụ	Kg	15,00	30.000	450.000	**Bữa Trưa**
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	22,00	20.000	440.000	Thịt lợn + đậu phụ
	5	Gà công nghiệp còn sống	Kg	40,00	112.000	4.480.000	rán sốt mặn
	6	Gừng củ	Kg	0,50	50.000	25.000	Canh rau bắp cải
	7	Quả su su	Kg	8,00	22.000	176.000	
	8	Quả bí đỏ	Kg	23,00	22.000	506.000	**Bữa Tối**
	9	Hành lá	Kg	0,50	70.000	35.000	Gà rang gừng
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Su su sào lòng gà
	11	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	4,00	20.000	80.000	Canh bí đỏ
	12	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	5,00	66.000	330.000	
	13	Bột ngọt meizan 400g	Gói	1,00	40.000	40.000	
	14	Sữa izzi 110ml	Hộp	294,00	6.000	1.764.000	**Phát sau giờ ngủ trưa**
	Tổng					**13.818.000**	

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 6 (Ngày 08; 15; 22; 29 Tháng 05/2026)	1	Bánh mì Thảo Nguyên (100gam)	Cái	294	6.000	1.764.000	**Bữa Sáng**
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	12,00	155.000	1.860.000	Bánh mỳ
	3	Cà chua	Kg	3,00	45.000	135.000	
	4	Trứng vịt	Kg	294,00	4.700	1.381.800	**Bữa trưa**
	5	Rau bắp cải trắng	Kg	20,14	20.000	402.800	Thịt lợn sốt cà chua
	6	Hành lá	Kg	0,50	70.000	35.000	Trứng luộc
	7	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	Canh rau bắp cải
	8	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	3,00	20.000	60.000	
	9	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	0,50	66.000	33.000	
	10	Bột ngọt meizan 400g	Gói	0,50	40.000	20.000	
	11	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	294,00	6.600	1.940.400	**Phát sau bữa cơm trưa**
	Tổng					**7.644.000**	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Trịnh Văn Lập

UBND XÃ MƯỜNG NHÉ
TRƯỜNG PTDTBT TH CHUNG CHẢI SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 05 NĂM 2026
Chủ Nhật (Ngày 03; 10; 17; 24 Tháng 05/2026)

(Thực hiện theo QĐ số: 20/QĐ-THCC2, ngày 29/04/2026 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định điều chỉnh danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú, tháng 5, học kỳ II năm học 2025-2026)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 05/2026: 294 x 936.000 = 275.184.000 đ

Tổng số ngày ăn Tháng 05/2026: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho bữa tối của ngày Chủ Nhật: 20.000 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho bữa tối của ngày Chủ Nhật: 20.000 x 294 = 5.880.000 đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Chủ Nhật (Ngày 03; 10; 17; 24 Tháng 05/2026)	1	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	14,00	155.000	2.170.000	**Bữa Tối**
	2	Trứng vịt	Kg	294,00	4.700	1.381.800	Thịt lợn rang mặn
	3	Rau bắp cải trắng	Kg	21,21	20.000	424.200	Trứng luộc
	4	Hành lá	Kg	0,50	70.000	35.000	Canh rau bắp cải
	5	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	
	6	Nước rửa chén Sunlight chanh100 4	Chai	2,00	20.000	40.000	
	7	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	0,50	66.000	33.000	
	8	Bột ngọt meizan 400g	Gói	0,50	40.000	20.000	
	9	Sữa izzi 110ml	Hộp	294,00	6.000	1.764.000	**Phát sau bữa cơm tối**
	Tổng					**5.880.000**	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Trịnh Văn Lập

UBND XÃ MƯỜNG NHÉ
TRƯỜNG PTDTBT TH CHUNG CHẢI SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 05 NĂM 2026

Thứ 2 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 05/2026)

(Thực hiện theo QĐ số: 20/QĐ-THCC2, ngày 29/04/2026 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định điều chỉnh danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú, tháng 5, học kỳ II năm học 2025-2026)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 05/2026: 294 x 936.000 = 275.184.000 đ

Tổng số ngày ăn Tháng 05/2026: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 2: 47.000 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho ngày Thứ 2: 47.000 x 294 = 13.818.000 đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 2 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 05/2026)	1	Mỳ tôm Kokomi 65gr	Gói	294	4.200	1.234.800	**Bữa Sáng**
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	26,00	155.000	4.030.000	Mỳ tôm pha nước sôi
	3	Đậu phụ	Kg	20,00	30.000	600.000	
	4	Quả su su	Kg	22,00	22.000	484.000	**Bữa Trưa**
	5	Trứng vịt	Kg	294,00	4.700	1.381.800	Thịt lợn + đậu phụ rán sốt mặn
	6	Thịt lợn nguyên mông vai	Kg	18,00	166.000	2.988.000	Canh su su
	7	Quả su su	Kg	10,00	22.000	220.000	
	8	Rau bắp cải trắng	Kg	21,50	20.000	430.000	**Bữa Tối**
	9	Hành lá	Kg	0,50	70.000	35.000	Trứng luộc
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Thịt lợn xào su su
	11	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	4,00	20.000	80.000	Canh rau bắp cải
	12	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	5,00	66.000	330.000	
	13	Bột ngọt meizan 400g	Gói	1,00	40.000	40.000	
	14	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	294,00	6.600	1.940.400	**Phát sau giờ ngủ trưa**
	Tổng					**13.818.000**	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Trịnh Văn Lập

UBND XÃ MƯỜNG NHÉ
TRƯỜNG PTDTBT TH CHUNG CHẢI SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 05 NĂM 2026

Thứ 3 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 05/2026)

(Thực hiện theo QĐ số: 20/QĐ-THCC2, ngày 29/04/2026 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định điều chỉnh danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú, tháng 5, học kỳ II năm học 2025-2026)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 05/2026: 294 x 936.000 = 275.184.000 đ

Tổng số ngày ăn Tháng 05/2026: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 3: 47.000 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho ngày Thứ 3: 47.000 x 294 = 13.818.000 đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 3 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 05/2026)	1	Xôi nếp đỗ (200gam)	Gói	294	7.000	2.058.000	**Bữa Sáng**
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	22,00	155.000	3.410.000	Xôi nếp đỗ
	3	Đậu phụ	Kg	15,00	30.000	450.000	
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	22,00	20.000	440.000	**Bữa Trưa**
	5	Gà công nghiệp còn sống	Kg	40,00	112.000	4.480.000	Thịt lợn + đậu phụ rán sốt mặn
	6	Gừng củ	Kg	0,50	50.000	25.000	Canh rau bắp cải
	7	Quả su su	Kg	8,00	22.000	176.000	
	8	Quả bí đỏ	Kg	23,00	22.000	506.000	**Bữa Tối**
	9	Hành lá	Kg	0,50	70.000	35.000	Gà rang gừng
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Su su sào lòng gà
	11	Nước rửa chén Sunlight chanh100 4	Chai	4,00	20.000	80.000	Canh bí đỏ
	12	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	5,00	66.000	330.000	
	13	Bột ngọt meizan 400g	Gói	1,00	40.000	40.000	
	14	Sữa izzi 110ml	Hộp	294,00	6.000	1.764.000	**Phát sau giờ ngủ trưa**
	Tổng					**13.818.000**	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Trịnh Văn Lập

UBND XÃ MƯỜNG NHÉ
TRƯỜNG PTDTBT TH CHUNG CHẢI SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 05 NĂM 2026

Thứ 4 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 05/2026)

(Thực hiện theo QĐ số: 20/QĐ-THCC2, ngày 29/04/2026 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định điều chỉnh danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú, tháng 5, học kỳ II năm học 2025-2026)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 05/2026: 294 x 936.000 = 275.184.000 đ

Tổng số ngày ăn Tháng 05/2026: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 4: 47.000 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho ngày Thứ 4: 47.000 x 294 = 13.818.000 đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 4 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 05/2026)	1	Mỳ tôm Kokomi 65gr	Gói	294	4.200	1.234.800	**Bữa Sáng**
	2	Trứng vịt	Kg	294,00	4.700	1.381.800	Mỳ tôm pha nước sôi
	3	Giò nạc	Kg	18,00	172.000	3.096.000	
	4	Đỗ quả	Kg	4,00	35.000	140.000	**Bữa Trưa**
	5	Cà rốt	Kg	3,00	27.000	81.000	Xào thập cẩm Giò nạc + Đỗ quả + Cà rốt
	6	Rau bắp cải trăng	Kg	22,45	20.000	449.000	
	7	Thịt lợn nguyên mông vai	Kg	22,00	166.000	3.652.000	Trứng luộc
	8	Quả su su	Kg	8,00	22.000	176.000	Canh rau bắp cải
	9	Trứng vịt	Kg	150,00	4.700	705.000	
	10	Quả su su	Kg	22,00	22.000	484.000	**Bữa Tối**
	11	Hành lá	Kg	1,00	70.000	70.000	Thịt lợn xào su su
	12	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Thịt băm xào trứng
	13	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	4,00	20.000	80.000	Canh su su
	14	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	4,00	66.000	264.000	
	15	Bột ngọt meizan 400g	Gói	1,00	40.000	40.000	
	16	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	294,00	6.600	1.940.400	**Phát sau giờ ngủ trưa**
		Tổng				**13.818.000**	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

UBND XÃ MƯỜNG NHÉ TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Trịnh Văn Lập

UBND XÃ MƯỜNG NHÉ
TRƯỜNG PTDTBT TH CHUNG CHẢI SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 05 NĂM 2026

Thứ 5 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 05/2026)

(Thực hiện theo QĐ số: 20/QĐ-THCC2, ngày 29/04/2026 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định điều chỉnh danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú, tháng 5, học kỳ II năm học 2025-2026)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 05/2026: 294 x 936.000 = 275.184.000 đ

Tổng số ngày ăn Tháng 05/2026: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 5: 47.000 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho ngày Thứ 5: 47.000 x 294 = 13.818.000 đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 5 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 05/2026)	1	Xôi nếp đỗ (200gam)	Gói	294	7.000	2.058.000	**Bữa Sáng**
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	22,00	155.000	3.410.000	Xôi nếp đỗ
	3	Đậu phụ	Kg	15,00	30.000	450.000	
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	22,00	20.000	440.000	**Bữa Trưa**
	5	Gà công nghiệp còn sống	Kg	40,00	112.000	4.480.000	Thịt lợn + đậu phụ rán sốt mặn
	6	Gừng củ	Kg	0,50	50.000	25.000	Canh rau bắp cải
	7	Quả su su	Kg	8,00	22.000	176.000	
	8	Quả bí đỏ	Kg	23,00	22.000	506.000	**Bữa Tối**
	9	Hành lá	Kg	0,50	70.000	35.000	Gà rang gừng
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Su su sào lòng gà
	11	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	4,00	20.000	80.000	Canh bí đỏ
	12	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	5,00	66.000	330.000	
	13	Bột ngọt meizan 400g	Gói	1,00	40.000	40.000	
	14	Sữa izzi 110ml	Hộp	294,00	6.000	1.764.000	**Phát sau giờ ngủ trưa**
	Tổng					**13.818.000**	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

UBND XÃ MƯỜNG NHÉ TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Trịnh Văn Lập

UBND XÃ MƯỜNG NHÉ
TRƯỜNG PTDTBT TH CHUNG CHẢI SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 05 NĂM 2026
Thứ 6 (Ngày 08; 15; 22; 29 Tháng 05/2026)

(Thực hiện theo QĐ số: 20/QĐ-THCC2, ngày 29/04/2026 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định điều chỉnh danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú, tháng 5, học kỳ II năm học 2025-2026)

Tổng số HSBT: 294 em.

Tổng số tiền ăn tháng 05/2026: 294 x 936.000 = 275.184.000 đ

Tổng số ngày ăn Tháng 05/2026: 20 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 6: 26.000 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 294 HSBT cho ngày Thứ 6: 26.000 x 294 = 7.644.000 đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 6 (Ngày 08; 15; 22; 29 Tháng 05/2026)	1	Bánh mì Thảo Nguyên (100gam)	Cái	294	6.000	1.764.000	**Bữa Sáng**
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	12,00	155.000	1.860.000	Bánh mỳ
	3	Cà chua	Kg	3,00	45.000	135.000	
	4	Trứng vịt	Kg	294,00	4.700	1.381.800	**Bữa trưa**
	5	Rau bắp cải trắng	Kg	20,14	20.000	402.800	Thịt lợn sốt cà chua
	6	Hành lá	Kg	0,50	70.000	35.000	Trứng luộc
	7	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	Canh rau bắp cải
	8	Nước rửa chén Sunlight chanh100 400g	Chai	3,00	20.000	60.000	
	9	Dầu ăn Cái Lân 1 lít	Chai	0,50	66.000	33.000	
	10	Bột ngọt meizan 400g	Gói	0,50	40.000	20.000	
	11	Sữa Mộc Châu 110ml	Hộp	294,00	6.600	1.940.400	**Phát sau bữa cơm trưa**
	Tổng					**7.644.000**	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC CHUNG CHẢI SỐ 2

Trịnh Văn Lập